

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG ĐÔNG DƯƠNG TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - SỰ BỔ SUNG CHO LÝ LUẬN CÁCH MẠNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC

Trần Hồng Lưu¹

¹Tiến sĩ, Đại học Kinh tế Đà Nẵng.

Email: hongluu2009@gmail.com.

Nhận ngày 20 tháng 12 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 5 tháng 9 năm 2019.

Tóm tắt: Trên hành trình tìm đường cứu nước, cứu dân tộc ta thoát khỏi nô lệ áp bức, Hồ Chí Minh luôn đau đáu nhớ đến xứ sở châu Á - phương Đông và xứ Đông Dương, trong đó có An Nam (Việt Nam) - nơi đã sinh ra và nuôi dưỡng Người lớn lên. Từ các hoạt động lý luận và thực tiễn thời kỳ đầu ở nước ngoài và cả về sau này, Người luôn dành cho phong trào cách mạng ở đây một vị trí hết sức đặc biệt. Và, đây cũng chính là một phần độc đáo trong tư tưởng của Người, góp phần bổ sung, phát triển học thuyết Mác - Lênin về phong trào cách mạng, về giai cấp và đấu tranh giai cấp, tinh thần quốc tế vô sản, vấn đề dân tộc..., và làm cho các vấn đề này ngày càng hoàn thiện hơn, đúng với tinh thần mácxít.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, Đông Dương, lý luận cách mạng.

Trong các bài viết, báo cáo hay tranh luận của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh từ những ngày tham gia Đảng Cộng sản Pháp và báo *Người cùng khổ*, cũng như từ *yếu sách* của các dân tộc thuộc địa bị áp bức, có thể nói, từ rất sớm, Người đã có những phát hiện khá sâu sắc về phong trào cách mạng ở Đông Dương. Những phát hiện này của Người đã gây ra sự ngạc nhiên cho các nhà lãnh đạo Quốc tế Cộng sản thời kỳ đó và để lại dấu ấn lớn trong sự sáng tạo của Người về lý luận cách mạng. Cần nói rõ hơn là, những phát hiện của Người về thực tiễn châu Á cho lý luận cách mạng ở thời kỳ đó đã không được đa số các

lãnh tụ Quốc tế Cộng sản hiểu đúng, thậm chí đánh giá không tốt, gây cản trở hoạt động của Người. Bài viết này phần nào làm rõ hơn quan niệm của Người về vấn đề trên như là sự phát triển nhằm hoàn chỉnh lý luận mácxít về đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội, về tinh thần quốc tế vô sản và cả vấn đề dân tộc.

Từ rất sớm, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã nói về *người Đông Dương và ý chí, tinh thần cùng khả năng bùng nổ cách mạng* của họ như sau: “Bị đầu độc cả về tinh thần lẫn về thể xác”, song “*người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi*. Sự đầu

độc có hệ thống của bọn tư bản thực dân không thể làm tê liệt sức sống, càng không thể làm tê liệt tư tưởng cách mạng của người Đông Dương. Luồng gió từ nước Nga thợ thuyền, từ Trung Quốc cách mạng hoặc từ Ấn Độ chiến đấu đang thổi đến giải độc cho người Đông Dương (...) Người Đông Dương tiến bộ một cách rất mau nhiệm và khi thời cơ cho phép họ sẽ biết tỏ ra xứng đáng với những người thầy của họ. Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến (...) Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất ròi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi” [1, tr.28]. Đó là niềm tin lạc quan cách mạng về những phẩm chất tốt đẹp của người Đông Dương, về sức sống bền bỉ, về sự sôi sục ẩn giấu sau đó sự bùng nổ phong trào cách mạng, giải phóng dân tộc của họ khi thời cơ đến.

Không dừng ở đó, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh còn phân tích rõ hơn thực trạng của những người trẻ tuổi ở xứ Đông Dương - những chủ nhân tương lai của phong trào cách mạng, những người lao động khéo léo và cần cù..., nhưng thiếu tổ chức và thiếu người tổ chức: “Ở Đông Dương, chúng ta có đủ tất cả những cái mà một dân tộc có thể mong muốn như: hải cảng, hầm mỏ, đồng ruộng mênh mông, rừng rú bao la; chúng ta có những người lao động khéo léo và cần cù.

Nhưng chúng ta thiếu tổ chức và thiếu người tổ chức! Bởi thế công nghiệp và thương nghiệp của chúng ta là một con số

không. Thế thì thanh niên của ta đang làm gì? Nói ra thì buồn, buồn lắm: họ không làm gì cả. Những thanh niên không có phương tiện thì không dám rời quê nhà; những người có phương tiện thì lại chìm ngập trong sự biếng nhác; còn những kẻ đã xuất dương thì chỉ nghĩ đến việc thoả mãn tính tò mò của tuổi trẻ mà thôi!

Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám Thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh” [2, tr.132-133].

Từ thực trạng các nước Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã phân tích về *khả năng bùng nổ cách mạng không tránh khỏi* ở Đông Dương: “Dù bọn xã hội đế quốc chủ nghĩa có đề phòng như thế nào đi nữa, thì nạn nghèo khổ và sự bóc lột vẫn cứ thúc đẩy người dân Đông Dương làm cách mạng, để đập đổ ách thống trị tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc Pháp” [2, tr.345]. Và, theo Người, nạn nghèo khổ và sự bóc lột nặng nề của đế quốc Pháp chính là chất xúc tác trực tiếp để người Đông Dương vùng lên tự giải phóng chính mình.

Hơn thế, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh còn khẳng định *nguyên nhân sâu xa tất yếu dẫn đến sự bùng nổ cách mạng* Đông Dương. Đó là: “Sự bóc lột vô nhân đạo của chủ nghĩa tư bản ở thuộc địa làm cho những người công nhân sống trong những điều kiện không chịu nổi. Sự tập trung rất lớn các đất đai vào tay người Pháp và giai cấp địa chủ bản xứ khiến cho tình cảnh của trung nông và bản nông tồi tệ đi. Sự mất mùa liên tiếp và giá sinh hoạt cao gia tăng sự khốn cùng và sự đau khổ

của quần chúng lao động. Tất cả điều này khơi sâu thêm mâu thuẫn giữa những kẻ áp bức và bóc lột với người bị áp bức và bị bóc lột, và làm cho tinh thần đấu tranh của những người sau này sâu sắc” [3, tr.55]. Mâu thuẫn đó ngày càng gia tăng thêm, thúc đẩy tinh thể cách mạng và khả năng bùng nổ cách mạng ngày càng bức thiết hơn.

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã chỉ ra phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam bằng việc *điểm nhanh các sự kiện từ khi Pháp xâm lược nhằm kích lệ truyền thống yêu nước của nhân dân ta*: “Cuộc xâm chiếm Đông Dương bắt đầu từ năm 1858 mãi đến 1909 mới kết thúc. Chính trong thời kỳ này, khi nhà ái quốc Đê Thám chết thì công cuộc chống Pháp có tổ chức và có vũ trang chấm dứt. Người anh hùng dân tộc ấy cùng với một ít nghĩa quân kiên quyết của ông đã chiếm lĩnh cả một tỉnh nhỏ và đương đầu với thực dân Pháp trong nhiều năm. Trong thời kỳ chiến tranh ở châu Âu, nhiều cuộc bạo động đã nổ ra nhưng lại bị dẹp tắt ngay trong biển máu. Trong số các cuộc khởi nghĩa đó, cần chú ý đến cuộc nổi dậy của binh lính An Nam - binh lính sắp được đem sang Pháp - do ông vua trẻ Duy Tân tổ chức. Sau khi âm mưu bại lộ, vua Duy Tân bị phế và đày sang châu Phi.

Trong cuộc đấu tranh tuyệt vọng của một dân tộc bị áp bức có nhiều hành động oanh liệt và nhiều sự hy sinh lớn, giá kẻ được ở đây để các bạn biết thì hay lắm, nhưng không thể nói hết được trong phạm vi nhỏ hẹp của buổi nói chuyện này của chúng ta” [1, tr.412].

Đặc biệt, trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã nêu lên thực trạng của nhân dân Đông Dương và khả năng làm cách mạng của họ vẫn còn ở tình trạng *tự phát, thiếu tổ chức, thiếu lý luận dẫn đường*; đồng thời, *kêu gọi những người lao động ở chính quốc hãy giúp đỡ họ cả về lý luận cách mạng và cách thức tổ chức phong trào cách mạng*, chứ không chỉ dừng lại ở lời cổ vũ, tỏ tình đoàn kết, vì: “Đây là lần đầu tiên, một phong trào như thế nhóm lên ở thuộc địa. Chúng ta hãy ghi lấy dấu hiệu đó của thời đại và chúng ta đừng quên rằng bản phận của chúng ta - những người lao động ở chính quốc - không phải chỉ tỏ tình đoàn kết với những anh em cùng giai cấp ở đây bằng lời nói, mà còn phải giác ngộ họ, giáo dục họ về ý thức tổ chức và về phương pháp tổ chức” [2, tr.114].

Khi nói về *đặc điểm giai cấp ở các nước thuộc địa nói chung, ở Đông Dương nói riêng*, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Trong tất cả các nước thuộc địa, ở cái xứ Đông Dương già cỗi kia cũng như ở xứ Đahômây trẻ trung này, người ta không hiểu đấu tranh giai cấp là gì, lực lượng giai cấp vô sản là gì cả, vì một lẽ đơn giản là ở đó không có nền kinh doanh lớn về thương nghiệp hay công nghiệp, cũng không có tổ chức công nhân” [1, tr. 63]. Từ những đặc điểm đặc thù ở chính nơi đây, Người phát hiện ra những *vấn đề giai cấp và thấy cần thiết phải bổ sung thêm* về cơ sở lịch sử ở các nước phương Đông mà thời đó, C.Mác không thể có được.

Trên bài báo *Phong trào công sản quốc tế - Đông Dương*, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã chỉ ra *khả năng các nước này có thể chiến thắng thực dân và cả khả năng áp dụng thành công chủ nghĩa công sản ở xí sở này*. Hơn thế, với niềm tin tưởng lớn lao, Người đã đưa ra nhận xét thật sâu sắc: “Xét những lý do lịch sử cho phép chủ nghĩa công sản thâm nhập dễ dàng vào châu Á, dễ dàng hơn là ở châu Âu” [1, tr.35]. Sau khi phân tích cặn kẽ lịch sử các nước phương Đông, châu Á và Việt Nam từ thời thượng cổ với đặt thù của tư tưởng Khổng - Mạnh, Người chỉ rõ: “Cái thiếu đối với chúng tôi, mà trách nhiệm của chúng tôi phải nói lên ở đây để những đồng chí của chúng ta có nhiệt tình truyền bá chủ nghĩa công sản và thực tâm muốn giúp đỡ những người lao động lật đổ ách của những kẻ bóc lột và đi vào gia đình chung của giai cấp vô sản quốc tế, để cho những đồng chí đó có thể giúp đỡ chúng tôi một cách có hiệu quả. Cái mà chúng tôi thiếu để trở thành công sản, là những điều kiện cơ bản nhất để hành động:

Tự do báo chí

Tự do du lịch

Tự do dạy và học

Tự do hội họp (tất cả những cái này đều bị những kẻ khai hóa thuộc địa ngăn cấm chúng tôi một cách dã man” [1, tr.36].

Với niềm tin lớn lao vào tương lai xán lạn và tinh thần lạc quan cách mạng, khi kết luận bài báo, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã khẳng định *sự tác động qua lại của phong trào cách mạng thế giới trên tinh thần quốc tế vô sản*: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát

và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn” [1, tr.35-36]. Cần nhận thấy, trong phong trào công sản quốc tế lúc đó, người ta chỉ thấy được sự tác động có chăng chỉ một chiều từ phong trào công nhân chính quốc đến các nước thuộc địa, chứ chưa thấy được sự tác động tích cực trở lại của phong trào từ các nước thuộc địa đến các nước chính quốc. Điều này một lần nữa cho thấy tầm nhìn sâu rộng, biện chứng trên tinh thần quốc tế vô sản của người thanh niên có nhãn quan sáng suốt Nguyễn Ái Quốc đến từ phương Đông. Điều này đã gây ra không ít ngạc nhiên trong Đại hội Tua ở Pháp.

Trong *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ*, trước Quốc tế Công sản, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã trình bày kết quả suy nghĩ cặn kẽ của mình về học thuyết Mác, về thực tiễn các nước phương Đông, châu Á và Việt Nam; về khả năng vận dụng chủ nghĩa công sản ở các nước phương Đông lạc hậu, già cỗi... Từ đó, hình thành quan điểm *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội* ở nước ta sau này.

Khi nghiên cứu học thuyết Mác về vấn đề giai cấp, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh sớm nhận thấy *cuộc đấu tranh giai cấp ở các nước phương Đông, châu Á và An Nam diễn ra không giống như ở các nước phương Tây*. Điểm khác biệt đó

được Người chỉ rõ trong *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ*, là: “Về phía người lao động, đó là sự không giác ngộ, sự nhần nhục và vô tổ chức. Về phía bọn chủ, không có máy móc, ruộng đồng thuộc sở hữu của những địa chủ hạng trung và hạng nhỏ và những kẻ mà ở đó được coi là đại địa chủ thì chỉ là những tên lùn tịt bên cạnh những người trùng tên với họ ở châu Âu và châu Mỹ; không có tỷ phú người An Nam. Những tên trọc phú ở đó thì ở đây chỉ là những kẻ thực lợi khá giả thôi.

Cho nên, nếu nông dân gần như chẳng có gì thì địa chủ cũng không có vốn liếng gì lớn; nếu như nông dân chỉ sống bằng cái tối thiểu cần thiết thì đời sống của địa chủ cũng chẳng có gì xa hoa; nếu thợ thuyền không biết mình bị bóc lột bao nhiêu thì chủ lại không hề biết công cụ để bóc lột của họ là máy móc; người thì chẳng có công đoàn, kẻ thì chẳng có torot. Người thì nhần nhục chịu số phận của mình, kẻ thì vừa phải trong sự tham lam của mình. Sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu. Điều đó, không thể chối cãi được” [1, tr.464]. Do đó, vấn đề mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh giai cấp diễn ra ở đây có *xu thế nhẹ hơn, không gay gắt* như ở các nước phương Tây. Cũng do vậy, cần xem xét cụ thể và cần trọng hơn vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp, cũng như phong trào cách mạng ở đây, bởi nó hoàn toàn không giống như ở các nước phương Tây.

Cần nhớ rằng, thời C.Mác và Ph.Ăngghen, chủ nghĩa tư bản chưa phát triển thành chủ nghĩa đế quốc, nên vấn đề

dân tộc chỉ quan hệ với cuộc đấu tranh giai cấp ở một dân tộc cụ thể, do đó trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, vấn đề dân tộc thuộc địa và giải phóng các dân tộc thuộc địa chưa đặt ra. Phải đến đầu thế kỷ XX, khi phát hiện ra vấn đề này trong điều kiện chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc, V.I.Lênin mới viết *Sơ thảo luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* để bổ sung cho lý luận này. Chính vì vậy, trên hành trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh luôn có sự trăn trở về vấn đề này và khi đọc được tác phẩm trên của V.I.Lênin, Người mới thực sự tin tưởng vào chủ nghĩa này và Quốc tế thứ III. Chính trong *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ*, trước Quốc tế Cộng sản, Người đã đưa ra một luận điểm nổi tiếng về việc *coi chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước*.

Từ đó, Người đưa ra “*Cương lĩnh của chúng tôi*. Phương hướng chung:

Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản. Khẩu hiệu này, do Mátxcova tung ra, đánh vào các nhà tư sản như một nghịch lý táo bạo, nhưng thật ra điều đó có nghĩa gì? Một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời. Giờ đây, người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ. Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi, thì đã lâu lắm rồi, phần lớn thế giới sẽ Xôviết hóa và lúc đó, nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế” [1, tr.466-467]. Cuối cùng, Người chỉ ra *khả năng khởi*

nghĩa vũ trang và sự bùng nổ phong trào cách mạng ở Đông Dương bằng lý luận thật khúc chiết:

“1. Phải có tính chất một cuộc khởi nghĩa quần chúng chứ không phải một cuộc nổi loạn. Cuộc khởi nghĩa phải được chuẩn bị trong quần chúng, nổ ra trong thành phố, theo kiểu các cuộc cách mạng ở châu Âu, chứ không phải nổ ra đột ngột ở biên giới Trung Quốc, theo phương pháp của những nhà cách mạng trước đây.

2. Cuộc khởi nghĩa phải được nước Nga ủng hộ. Các Xôviết sẽ cung cấp vũ khí, tiền bạc và các kỹ thuật viên, các binh sĩ, các thủy thủ bản xứ được đào tạo trước đó ở Mátxcova (...).

3. Cuộc khởi nghĩa phải trùng hợp với cách mạng vô sản ở Pháp.

4. Sự nghiệp của người bản xứ gắn mật thiết với sự nghiệp của vô sản toàn thế giới; mỗi khi chủ nghĩa cộng sản giành được chút ít thắng lợi trong một nước nào đó, nhất là trong một quốc gia đế quốc chủ nghĩa (nước Đức chẳng hạn) thì đó càng là thắng lợi cả cho người An Nam” [1, tr.468-469]. Để cách mạng diễn ra thành công, Người cho rằng, cần phải “làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một Liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản” [5, tr.124].

Trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Người đã chỉ ra cơ sở cho sự liên minh của giai cấp lao động ở chính quốc với nhân dân lao động thuộc địa, bằng việc vạch ra bản chất thâm độc của chủ nghĩa

tư bản là “con đĩa có một vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một vòi bám vào giai cấp vô sản ở các nước thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản; con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra” [4, tr.298].

Trong hai bản tham luận đọc tại *Hội nghị quốc tế nông dân và Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản*, Người đã đề cập đến hai vấn đề lớn, trong đó có nhắc lại vấn đề liên minh giữa phong trào công nhân ở chính quốc và phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa:

1. Tăng cường mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa.

2. Vấn đề nông dân ở các nước thuộc địa.

Hơn thế, Người còn thẳng thắn *phê bình một số Đảng Cộng sản ở các nước tư bản đã coi nhẹ vấn đề thuộc địa*, chưa biết kết hợp phong trào cách mạng ở chính quốc với cách mạng ở các nước thuộc địa. Với nhãn quan chính trị đúng đắn và tầm nhìn toàn diện và sâu sắc về cách mạng thế giới, Hồ Chí Minh khẳng định: Muốn giải phóng dân tộc, nhất thiết phải đoàn kết với vô sản thế giới, nhất là vô sản các nước chính quốc. Tư tưởng này đã vượt qua lý thuyết Đại Đông Á phản động đang thịnh hành lúc đó, đồng thời cũng vượt qua chính các đảng viên trong các Đảng Cộng sản Tây Âu lúc đó. Tại thời điểm đó, đa số đảng viên các Đảng Cộng sản Tây Âu còn “chưa hoàn toàn thấm nhuần tư tưởng

rằng, vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh giai cấp bị áp bức ở thuộc địa” [10, tr.195].

Quan điểm coi giai cấp vô sản thế giới, nhất là vô sản ở các nước chính quốc là lực lượng cốt yếu cần phải đoàn kết đã thể hiện tầm nhìn rộng mở trên tinh thần quốc tế vô sản, khác xa cái nhìn kỳ thị, cứng nhắc khi coi những gì thuộc về nước đi xâm lược cũng là xấu xa, cần loại bỏ, mà không thấy được những nhân tố tiến bộ cần phải tận dụng, phân hóa trong đó. Khi bình luận về nội dung đặc sắc này, lãnh tụ và cũng là một trong những nhà lý luận hàng đầu nước ta - Trường Chinh đã viết: “Các cụ thường cho rằng... làm cách mạng là chống “người Pháp”, chống nước Pháp mà không phân biệt được thực dân Pháp với *nhân dân lao động - những người bạn của Việt Nam* [9, tr.45].

Để đảm bảo cho sự thắng lợi của phong trào nông dân ở các nước thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã *khẩn thiết kêu gọi sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản* về con đường và cách thức tiến hành cách mạng một cách có tổ chức và tự giác: “Sự nổi dậy của nông dân bản xứ đã chín muồi. Trong nhiều nước thuộc địa, họ đã vài lần nổi dậy, nhưng lần nào cũng bị dim trong máu. Nếu hiện nay nông dân vẫn còn ở tình trạng tiêu cực, thì nguyên nhân là họ còn thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo. Quốc tế Cộng sản cần phải giúp đỡ họ tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng giải phóng” [8, tr.289].

Có thể nhận thấy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Người luôn khẳng định sự đúng đắn của học thuyết Mác - Lênin. Đồng thời, khi tìm hiểu và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, Người sớm nhận ra những đặc điểm ở Việt Nam và phương Đông khác biệt so với phương Tây. Vì thế, ngay từ năm 1924, trong *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ*, trước Quốc tế Cộng sản, Người đã mạnh dạn phân tích các đặc điểm khác nhau đó, từ đó đề ra phương hướng vận dụng chủ nghĩa Mác trong hoàn cảnh mới một cách *sáng tạo, linh hoạt*. Hồ Chí Minh viết: “Dù sao thì cũng không thể cấm bỏ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được”. Hơn thế, Người còn khẳng định rằng, cần “phải xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông” [1, tr.465]; đồng thời, nhấn mạnh: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của dân tộc” [1, tr.466]. Nhận định đúng đắn này của Hồ Chí Minh là hoàn toàn phù hợp với thực tiễn của xã hội Việt Nam và các nước Á Đông.

Ngay sau khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vào ngày 2 - 9 - 1945, với bản *Tuyên ngôn độc lập* nổi tiếng, Hồ Chí Minh đã gửi thông điệp đến các nước lớn, như Trung Quốc, Mỹ, Liên Xô, Anh..., đề nghị chính phủ các nước này công nhận chủ quyền của dân tộc ta trên trường quốc tế (thông qua các hội nghị của Liên hiệp quốc bản về Viễn Đông) là: “Đưa vấn đề Đông Dương ra

trước tổ chức Liên hiệp quốc, chúng tôi chỉ đòi hỏi nền độc lập hoàn toàn, nền độc lập mà cho tới nay đã là một thực tế, và nó sẽ cho phép chúng tôi hợp tác với các quốc gia khác trong việc xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn và một nền hòa bình bền vững” [7, tr.182].

Không nghi ngờ gì nữa, việc bổ sung lý luận mácxít bằng những tư liệu từ phương Đông và việc khẳng định chủ nghĩa dân tộc, là động lực lớn của dân tộc, ít ra là ở các nước phương Đông, là đóng góp quan trọng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh nhằm hoàn thiện hơn chủ nghĩa Mác. Trong bối cảnh quốc tế hiện thời, từ quan điểm toàn diện, phát triển và lịch sử - cụ thể, soi rọi bằng tư tưởng này phần nào minh chứng sự hợp lý và sâu sắc của nó. Chính trường thế giới đang diễn ra đầy rẫy sự phức tạp. Các cuộc chiến tranh đòi chia tách các quốc gia, dân tộc trên thế giới đã và đang minh chứng cho quan niệm coi chủ nghĩa dân tộc là động lực của lịch sử mà thiên tài Hồ Chí Minh đã dự báo từ năm 1924. Xét kỹ hơn về lý luận, ngay trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác đã yêu cầu giai cấp vô sản phải trở thành dân tộc. Muốn giành thắng lợi trên toàn thế giới thì giai cấp vô sản phải chiến thắng ngay ở trong quốc gia - dân tộc mình đã rồi sau đó, mới đủ sức lớn mạnh dần lên để có thể giúp đỡ giai cấp vô sản ở dân tộc khác giành thắng lợi. Chân lý đó là hiển nhiên, không ai có thể bác bỏ.

Từ những phân tích trên cho thấy, vấn đề Đông Dương luôn được trăn trở trong tâm khảm của Hồ Chí Minh ngay từ tìm đường cứu nước ở nước ngoài và quay trở

lại dẫn dắt phong trào cách mạng dân tộc. Hơn thế, bằng lý luận về phương Đông nói chung và Đông Dương nói riêng, Người đã góp phần bổ sung cơ sở lý luận cho học thuyết của chủ nghĩa Mác-Lênin về phong trào cách mạng, về giai cấp và đấu tranh giai cấp, thời cơ - tình thế cách mạng, tinh thần quốc tế vô sản..., trên tinh thần cách mạng, sáng tạo và quan điểm lịch sử - cụ thể. Đó cũng là một trong những nét độc đáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tạo ra minh triết Hồ Chí Minh - thứ minh triết có thể soi rọi và dự báo tương lai không chỉ của dân tộc, mà cả thời đại.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, t.1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, t.1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5] Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6] Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [7] Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [8] Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, t.10, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [9] Trường Chinh (1991), *Chủ tịch Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội.
- [10] Viện Hồ Chí Minh (2002), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, t.2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.